

Siết mã số vùng trồng, bảo vệ uy tín nông sản Việt trên thị trường quốc tế

06:20 16/08/2026

Việc mua bán, cho thuê hoặc làm giả mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói không chỉ là hành vi gian lận trong quản lý nông sản mà còn tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín hàng Việt tại các thị trường xuất khẩu. Yêu cầu xử lý nghiêm của Chính phủ đang đặt ra bài toán kép: vừa bịt kẽ hở quản lý, vừa tạo thuận lợi để doanh nghiệp tuân thủ và xuất khẩu.

Mã số bị gian lận, rủi ro không dừng ở một lô hàng

Văn phòng Chính phủ vừa truyền đạt chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng về việc chấn chỉnh tình trạng mua bán, cho thuê, làm giả giấy chứng nhận mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và gian lận hồ sơ, kết quả kiểm nghiệm nông sản.

Theo chỉ đạo, Bộ Công an được yêu cầu chỉ đạo công an các địa phương tăng cường phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến cấp, quản lý, mua bán, cho thuê, làm giả mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, cũng như làm sai lệch hồ sơ và kết quả kiểm nghiệm nông sản.

Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng UBND các tỉnh, thành phố được yêu cầu phối hợp chấn chỉnh công tác quản lý. Đáng chú ý, Phó Thủ tướng yêu cầu nghiên cứu nâng mức xử phạt, trong đó có việc xem xét xử lý hình sự đối với những hành vi nghiêm trọng.



Mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói là những mắt xích quan trọng trong truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và bảo đảm uy tín nông sản Việt Nam trên thị trường xuất khẩu. Ảnh Nhân Dân

Mã số vùng trồng về bản chất là công cụ xác định “địa chỉ” của vùng sản xuất, gắn với thông tin về diện tích, quy trình canh tác và điều kiện sản xuất. Trong khi đó, mã số cơ sở đóng gói giúp xác định địa điểm, điều kiện và quy trình xử lý sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.

Đối với hàng hóa xuất khẩu, những mã số này ngày càng có ý nghĩa quan trọng bởi nhiều thị trường yêu cầu sản phẩm phải có khả năng truy xuất nguồn gốc. Vì vậy, khi mã số bị mua bán hoặc làm giả, thông tin đi kèm với sản phẩm không còn phản ánh đúng thực tế.

Rủi ro lớn hơn nằm ở chỗ một hành vi gian lận có thể ảnh hưởng đến cả chuỗi sản xuất. Nếu một lô hàng vi phạm bị phát hiện, không chỉ doanh nghiệp liên quan chịu thiệt hại mà uy tín của vùng sản xuất, ngành hàng và thậm chí hình ảnh nông sản Việt Nam cũng có thể bị tác động.

Trong bối cảnh xuất khẩu nông sản ngày càng phụ thuộc vào các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tính minh bạch, mã số vùng trồng vì vậy không thể chỉ được xem là một thủ tục hành chính. Đây là một mắt xích của hệ thống kiểm soát chất lượng và niềm tin thị trường.

Chuyển từ “giữ cửa” sang quản lý số và hậu kiểm

Bên cạnh yêu cầu xử lý vi phạm, Phó Thủ tướng giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương rà soát, sửa đổi quy định theo hướng đơn giản hóa thủ tục, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm và xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông

phục vụ quản lý, truy xuất nguồn gốc.

Đây được xem là hướng xử lý quan trọng bởi nếu thủ tục quá phức tạp nhưng dữ liệu quản lý chưa đồng bộ, nguy cơ phát sinh các hình thức trung gian, môi giới hoặc lợi dụng kẽ hở để trục lợi có thể gia tăng.

Theo ông Nguyễn Quốc Mạnh, Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, trước đây hệ thống cấp và quản lý mã số vùng trồng chưa được thực hiện toàn trình trên môi trường số, qua đó tạo ra những kẽ hở trong quá trình cấp và sử dụng. Việc thiếu thông tin đầy đủ giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp cũng có thể bị lợi dụng để mua bán, trao đổi mã số nhằm trục lợi.

Vấn đề đặt ra là cải cách thủ tục phải đi cùng với khả năng kiểm soát tốt hơn. Nếu đơn giản hóa hồ sơ nhưng thiếu cơ sở dữ liệu thống nhất, việc hậu kiểm sẽ khó đạt hiệu quả. Ngược lại, nếu quá phụ thuộc vào tiền kiểm và thủ tục giấy tờ, chi phí tuân thủ của doanh nghiệp và địa phương có thể tăng, trong khi chưa chắc loại bỏ được gian lận.

Do đó, một hệ thống quản lý số có khả năng liên thông dữ liệu về vùng trồng, cơ sở đóng gói, doanh nghiệp, sản phẩm và kết quả kiểm nghiệm sẽ tạo thêm lớp kiểm soát quan trọng. Khi mỗi mã số được gắn với dữ liệu cụ thể và có thể kiểm tra, cập nhật, đối chiếu, việc mua bán hoặc sử dụng mã số sai mục đích sẽ khó thực hiện hơn.

Cùng với đó, hậu kiểm cần được thực hiện thực chất, dựa trên mức độ rủi ro thay vì kiểm tra dàn trải. Những vùng trồng, cơ sở đóng gói có lịch sử tuân thủ tốt có thể được tạo thuận lợi về thủ tục; ngược lại, những trường hợp có dấu hiệu bất thường cần được kiểm tra sâu và xử lý nghiêm.

Nghị quyết số 36 về đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói được kỳ vọng sẽ góp phần tháo gỡ những điểm nghẽn trong quy trình. Tuy nhiên, cải cách chỉ thực sự hiệu quả khi vừa giảm được thời gian, chi phí cho đối tượng tuân thủ, vừa nâng khả năng phát hiện hành vi gian lận.

Về phía doanh nghiệp và hợp tác xã, việc bảo vệ mã số vùng trồng cũng cần được nhìn nhận như bảo vệ một tài sản của chuỗi xuất khẩu. Không thể vì lợi ích của một vài lô hàng mà đánh đổi uy tín của cả vùng nguyên liệu.

Cùng với chế tài mạnh hơn, cơ quan quản lý cần tăng tuyên truyền để nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp hiểu rõ quyền, nghĩa vụ cũng như rủi ro khi cho thuê, chuyển nhượng hoặc sử dụng mã số không đúng quy định.

Về lâu dài, mục tiêu không chỉ là phát hiện và xử phạt các trường hợp gian lận mà phải xây dựng được một hệ thống mã số minh bạch, có khả năng xác thực và truy xuất xuyên suốt chuỗi. Khi mã số vùng trồng thực sự trở thành “hộ chiếu” đáng tin cậy của nông sản, doanh nghiệp tuân thủ sẽ được bảo vệ, còn những hành vi gian lận sẽ khó có đất để tồn tại.

Đây cũng là điều kiện cần thiết để nông sản Việt Nam duy trì niềm tin tại các thị trường quốc tế, nhất là trong bối cảnh các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chất lượng ngày càng chặt chẽ.

Nam Sơn (t/h)